

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Tuyên.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 88/2024/TLST-VLĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 54/2024/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 07/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990. Thường trú: số 272/8/1 tổ F, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 2001. Địa chỉ liên hệ: số A đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng uỷ quyền ngày 17/4/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992. Thường trú: số 272/8/1, tổ F, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH B (Việt Nam). Địa chỉ: số B, đường T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt không rõ lý do.

3. Công ty TNHH S. Địa chỉ: Lô A, đường số H, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1967; chức vụ: Giám đốc nhân sự; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; chức vụ: Tổ trưởng Tổ quản lý khu, sổ thẻ bảo hiểm thành phố D. Địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 13/5/2024); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc lao động bà Trịnh Thị Thúy N trình bày:

Từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T có làm việc tại Công ty TNHH C, địa chỉ: Lô I, II Khu Công nghiệp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7408053331. Nay, bà T liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin hưởng Bảo hiểm xã hội một lần. Trong quá trình giải quyết hồ sơ của bà T, nhân viên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin bảo hiểm của bà T bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Em của bà T là bà Nguyễn Thị Thúy D (sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị Thanh T) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH B khoảng từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 và giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011. Đồng thời gian đó, bà T đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O, địa chỉ: Lô B, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà T làm việc tại Công ty TNHH O từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016.

Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 và từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011 (trùng đương với thời gian bà Nguyễn Thị Thúy D mượn hồ sơ lao động của bà T). Bà T nhiều lần liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà T khởi kiện ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy D với Công ty TNHH B và Công ty TNHH S.

Vào thời điểm tháng 8/2008, bà Nguyễn Thị Thúy D chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà T và bà D là chị em với nhau nên mới hỗ trợ em gái mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì bà T và bà D không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm việc làm để tạo thu nhập để phục vụ cuộc sống nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết:

1. Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010) giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH B (Việt Nam) vô hiệu.
2. Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011) giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH S vô hiệu.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH B (Việt Nam) và Công ty TNHH S (Việt Nam) cho người lao động thì Công ty TNHH B (Việt Nam) và Công ty TNHH S có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân 272088225, số căn cước công dân 075190002858, với mã số bảo hiểm xã hội 7408233351 tại Công ty TNHH B (Việt Nam) từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và mã số bảo hiểm xã hội 7410141579 tại Công ty TNHH S (Việt Nam) từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011 đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thanh T còn có số sổ 7408053331 từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016 Công ty TNHH O. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Thanh T, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Thanh T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Thúy D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Do lúc trước đây chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên tháng 8/2008, bà D có mượn thông tin cá nhân của chị gái là bà Nguyễn Thị Thanh T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH B (Việt Nam), địa chỉ: số B, đường T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà D làm việc tại Công ty TNHH B (Việt Nam) từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010. Sau đó, bà D nghỉ việc khoảng 03 tháng. Đến tháng 5/2010, bà D tiếp tục sử dụng thông tin của chị gái để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S, địa chỉ: Lô A, đường số H, khu công nghiệp S, Phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà D làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011. Tuy nhiên, trước khi bà D giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B (Việt Nam) và Công ty TNHH S thì chị gái (Nguyễn Thị Thanh T) cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH O, địa chỉ: Lô B, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Thanh T làm việc tại Công ty TNHH O từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016. Do đó, khi chị gái của bà D (Nguyễn Thị Thanh T) liên hệ Bảo hiểm xã hội xin rút hồ sơ bảo hiểm xã hội thì nhận được thông báo là thông tin bảo hiểm bị trùng.

Nay, bà D thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà T và đề nghị Tòa án: Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010) giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH B (Việt Nam) vô hiệu. Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011) giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH S vô hiệu.

- Ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày:

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại Công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp

thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty TNHH S thì vào tháng 5/2010, Công ty TNHH S có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân: 075190002858. Bà T làm việc với vai trò là công nhân. Đến tháng 6/2011 bà T nghỉ việc tại Công ty. Thời gian làm việc của bà Nguyễn Thị Thanh T theo như quy định của nội quy lao động Công ty. Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Nguyễn Thị Thanh T, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc đã lâu nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của bà Nguyễn Thị Thanh T, chỉ còn dữ liệu trên máy tính.

Nay người lao động cho rằng có sự việc cho em ruột là Nguyễn Thị Thúy D sử dụng thông tin của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH S thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà T. Đối với các chế độ của bà T sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà T vì vậy Công ty TNHH S không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B (Việt Nam) nhưng Công ty TNHH B (Việt Nam) vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:

Về tố tụng: Việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên họp đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH B (Việt Nam) thời gian làm việc từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu, với Công ty TNHH S từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011 bị vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thúy D người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH B (Việt Nam) vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thông nhất: Trong thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010, người lao động tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân 272088225, số căn cước công dân 075190002858 được Công ty TNHH B (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7408233351. Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011, người lao động Nguyễn Thị Thanh T còn được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410141579. Tuy nhiên, bà T và bà D thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc với Công ty TNHH B (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ 8/2008 đến tháng 02/2010, với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011 là bà Nguyễn Thị Thúy D chứ không phải bà Nguyễn Thị Thanh T. Do bà D chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện ứng tuyển lao động, bà T cho bà D mượn thông tin và giấy tờ tùy thân của bà T để tham gia lao động và ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B (Việt Nam), Công ty TNHH S. Trình bày của bà T và bà D phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016 bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O.

[2.2] Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Thúy D sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thanh T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B (Việt Nam) và Công ty TNHH S là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Thanh T bị trùng từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 và từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH B (Việt Nam) từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010, với Công ty TNHH S từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2011 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1.1 Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH B (Việt Nam), thời gian làm việc từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu.

1.2 Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH S, thời gian làm việc từ 5/2010 đến tháng 6/2011 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002878 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- Các đương sự (03);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ (02).

Phạm Văn Tuyên